TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG Bản án số: 33/2018/HS-ST Ngày 24-7-2018	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Văn Hòe và ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HSST ngày 22-5-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HS ngày 22-5-2018 đối với bị cáo:

K’T, sinh năm 1964 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: Nữ; dân tộc: K’Ho; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông K’L và bà K’Đ *(hai người đã chết)*; có chồng là K’T và có 07 con; bị bắt tạm giam ngày 18-3-2018 đến ngày 24-5-2018 được tại ngoại theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 01/2018/QĐ-CA ngày 24-5-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong; có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Khu Bảo tồn thiên nhiên T; địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; người đại diện theo pháp luật: Ông Khương Thanh L, chức vụ: Giám đốc; người được ủy quyền: Ông Phan Văn T – Phụ trách Thanh tra, pháp chế; có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Hoàng Văn H; địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Viết H; địa chỉ: Khu Bảo tồn thiên nhiên T thuộc thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

+ Anh Nông Văn Đ; địa chỉ: Khu Bảo tồn thiên nhiên T thuộc thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; có mặt.

+ Anh Vũ Văn C; địa chỉ: Khu Bảo tồn thiên nhiên T thuộc thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

+ Anh K'S; địa chỉ: Khu Bảo tồn thiên nhiên T thuộc thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

+ Anh K'D; địa chỉ: thôn B, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

K'T có một mảnh đất rẫy trồng cà phê giáp với khu rừng đặc dụng tại lô 41, khoảnh 10, tiểu khu 1772, do Khu Bảo tồn thiên nhiên T quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khu rừng này có các cây lồ ô có đường kính lớn nhất là 08 cm và các cây thân gỗ có đường kính lớn nhất là 13 cm. Do muốn mở rộng diện tích đất sản xuất nên K'T nảy sinh ý định chặt phá khu rừng đặc dụng của Khu Bảo tồn thiên nhiên T.

Để tránh sự phát hiện của lực lượng quản lý, bảo vệ rừng, sáng ngày 20-02-2018, K'T một mình đi vào rẫy cà phê để làm cỏ; đến buổi chiều cùng ngày K'T mới đi sang khu rừng đặc dụng, sử dụng dao phát mang theo chặt phá cây rừng. Với thời gian và cách thức như trên, từ ngày 20-02-2018 đến ngày 25-02-2018, K'T đã chặt phá được diện tích rừng là 3.751 m^2. Do thấy đã đủ diện tích để canh tác nên K'T không chặt phá rừng nữa. Sau đó, hành vi hủy hoại rừng của K'T bị phát hiện. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong, K'T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 15-3-2018 xác định tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 3.751 m^2, tại lô 41, khoảnh 10, tiểu khu 1772, do Khu Bảo tồn thiên nhiên T quản lý thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tại Bản kết luận giám định ngày 17-3-2018 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp, kết luận: Về trạng thái: Rừng thường xanh nghèo (rừng lồ ô); về loại rừng: Rừng đặc dụng; về mức độ thiệt hại: 100%; về giá trị thiệt hại rừng: 27.531.589 đồng.

Về vật chứng của vụ án đã thu giữ: 01 dao phát màu đen, cán dao bằng sắt dài 11 cm, đường kính 04 cm, lưỡi dao dài 28 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Khu Bảo tồn thiên nhiên T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 27.531.589 đồng. Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho Khu Bảo tồn thiên nhiên T được số tiền 2.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 27/Ctr-VKS ngày 21-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố K'T về tội "Hủy hoại rừng", theo điểm g khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt K'T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 01 dao phát màu đen; cán dao bằng sắt dài 11 cm, đường kính 04 cm; lưỡi dao dài 28 cm. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho Khu Bảo tồn thiên nhiên T yêu cầu bị caó bồi thường số tiền 27.531.589 đồng được khấu trừ 2.000.000 đồng gia đình bị cáo đã bồi thường cho Khu Bảo tồn thiên nhiên T.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa về hành vi phạm tội của mình mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Từ ngày 20-02-2018 đến ngày 25-02-2018, tại khu rừng đặc dụng thuộc lô 41, khoảnh 10, tiểu khu 1772, do Khu Bảo tồn thiên nhiên T quản lý, thuộc địa giới hành chính xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, K'T

đã dùng dao phát chặt phá, hủy hoại 3.751 m^2 rừng đặc dụng, thiệt hại tính bằng tiền là 27.531.589 đồng. Với hành vi đã thực hiện và diện tích rừng bị hủy hoại thì hành vi bị cáo đã phạm tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo về tội "Hủy hoại rừng" theo điểm g khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, cụ thể: Tại Điều 243 của Bộ luật Hình sự quy định:

"*1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

g) Rừng đặc dụng có diện tích từ 3.000 mét vuông (m^2) đến dưới 5000 mét vuông (m^2);

[3] Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài nguyên quốc gia, xâm hại đến sự bền vững của môi trường sinh thái; gây ra những thiệt hại nghiêm trọng về môi trường, là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến những biến đổi bất thường về khí hậu nhất là trong tình hình hiện nay diện tích rừng đang ngày càng suy giảm bởi nhiều nguyên nhân trong đó có việc chặt phá rừng trái phép, thì việc bảo vệ rừng có ý nghĩa duy trì sự ổn định của môi trường và khí hậu cũng như để phát triển bền vững về môi trường sinh thái. Tuy nhiên, bị cáo không nhận thức được điều đó, chỉ vì mục đích lấy đất làm rẫy mà hủy hoại rừng nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng răn đe cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu; là người đồng bào dân tộc thiểu số; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường một phần thiệt hại cho Khu Bảo tồn thiên nhiên T; gia đình thuộc diện hộ nghèo, chồng bị cáo có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên không cần phạt bổ sung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu, tiêu hủy 01 dao phát màu đen; cán dao bằng sắt dài 11 cm, đường kính 04 cm; lưỡi dao dài 28 cm.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường 2.000.000 đồng cho Khu Bảo tồn thiên nhiên T, tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Khu Bảo tồn thiên nhiên T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.531.000 đồng (làm tròn) trong tổng số tiền 27.531.000 đồng là giá trị thiệt hại về lâm sản nên cần buộc bị cáo bồi thường số tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí ; bị cáo, nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo K'T phạm tội "Hủy hoại rừng".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K'T 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18-3-2018 đến ngày 24-5-2018.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy 01 dao phát màu đen; cán dao bằng sắt dài 11 cm, đường kính 04 cm; lưỡi dao dài 28 cm. Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao ngày 22-5-2018 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 587, 589 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận việc các bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho Khu Bảo tồn thiên nhiên T số tiền 25.531.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo K'T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.267.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Nguyên đơn dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Võ Văn Vinh